

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO**

Số: 6832/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

An Lão, ngày 22 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ và phê duyệt kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 và điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ điều chỉnh mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ điều chỉnh mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng;

Căn cứ Thông tư số 62/2024/TT-BTC ngày 20/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ.

Căn cứ Quyết định số 4037/QĐ-UBND ngày 04/11/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phân bổ và phê duyệt kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ;

Căn cứ Thông báo số 804/TB-STC ngày 12/11/2024 của Sở Tài chính Hải Phòng bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố;

Căn cứ Quyết định số 4789/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện An Lão về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 cho các phòng, ban, ngành, các xã, thị trấn và các đơn vị;

Theo đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ và phê duyệt kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP và điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ với tổng số tiền là: 50.061.865.000 đồng (*Năm mươi tỷ, không trăm sáu mươi một nghìn, tám trăm sáu mươi năm đồng*)

Nguồn kinh phí thực hiện:

- Nguồn cải cách tiền lương thành phố cấp bổ sung tại Quyết định số 4037/QĐ-UBND ngày 04/11/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng: 34.885.080.000 đồng.

- Nguồn cải cách tiền lương ngân sách cấp huyện: 13.676.785.000 đồng.

- Nguồn cải cách tiền lương ngân sách cấp xã: 1.500.000.000 đồng.

Có phụ lục chi tiết kèm theo.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

- Giao phòng Tài chính - Kế hoạch hướng dẫn đơn vị thực hiện.

- Các cơ quan, đơn vị tiếp nhận, quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, thực hiện chi trả, chịu trách nhiệm về đối tượng được hưởng, mức chi trả, thời gian được hưởng, số kinh phí thực hiện cho trả và quyết toán theo quy định; chịu trách nhiệm toàn bộ về số liệu chi của đơn vị mình và tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ chi tiêu và thanh toán, quyết toán theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; Thủ trưởng các phòng, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn; Giám đốc Kho bạc nhà nước An Lão và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hà Thế Vinh

Biểu số 2- Ban hành kèm theo Thông tư 90/2017/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị : Trường THCS Mỹ Đức

Chương: 622

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ- THCS ngày 25 tháng 01 năm 2024 của trường THCS Mỹ Đức)

SỐ TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO
I	Tổng số thu chi nộp ngân sách phí, lệ phí	948.820.000
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	948.820.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	948.820.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	

5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)</i>	
2	Chi Chương trình mục tiêu	
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)</i>	